



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 70

Ngày 18 tháng 5 năm 2023

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

20-4-2023	Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ban hành Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn và huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	3
20-4-2023	Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND quy định chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức luân chuyển thuộc tỉnh Đắk Lắk.	11

VĂN BẢN KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

20-4-2023	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh.	15
20-4-2023	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND về việc bố trí vốn ngân sách tỉnh tham gia Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (phần kinh phí giải phóng mặt bằng phát sinh).	24

- | | | | |
|-----------|--------------------------|---|----|
| 20-4-2023 | Nghị quyết số 08/NQ-HĐND | Nghị quyết về việc điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ và giao bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | 26 |
| 20-4-2023 | Nghị quyết số 09/NQ-HĐND | cho ý kiến về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Lắk. | 35 |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2023/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn và huy động
các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ điểm b, điểm c, khoản 1, Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP
ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực
hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn và
huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên
địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND ngày 18 tháng 4 năm
2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định cơ chế lồng ghép nguồn
vốn và huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị
quyết, báo cáo kết quả tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân
tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 5 năm 2023./.

CHỦ TỊCH**Huỳnh Thị Chiến Hòa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Cơ chế lồng ghép nguồn vốn và huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Kèm theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác; Cơ chế huy động các nguồn lực khác để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản đó.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn và huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn và huy động các nguồn lực khác

1. Việc lồng ghép nguồn vốn để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phải đảm bảo theo các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Tăng cường phân cấp, trao quyền cho các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các công trình, dự án của từng chương trình; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát cộng đồng, đánh giá kết quả thực hiện của các chương trình trên địa bàn. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động.

3. Việc sử dụng nguồn vốn huy động để đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phải đúng mục đích và hướng tới hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình.

4. Việc huy động vốn phải được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, đảm bảo phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội, mức độ khó khăn của từng địa phương, trên cơ sở phát huy dân chủ, để người dân bàn bạc, tự nguyện đóng góp.

Chương II

CƠ CHẾ LỒNG GHÉP NGUỒN VỐN

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện lồng ghép

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
2. Nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp, bao gồm: Ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã;
3. Nguồn vốn tín dụng;
4. Vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 4. Nội dung thực hiện lồng ghép các nguồn vốn

1. Dự án đầu tư

a) Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, triển khai lồng ghép phù hợp với quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025 và Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025 và các quy định hiện hành.

b) Việc lồng ghép các nguồn vốn cần ưu tiên thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù.

c) Đối với các dự án khác thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

Thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; ưu tiên lồng ghép nguồn vốn đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; các dự án, mô hình thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia

Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn tập huấn, thông tin, tuyên truyền để tránh việc nhiều cơ quan, đơn vị cùng tổ chức tập huấn, hoạt động thông tin, tuyên truyền về cùng nội dung, chuyên đề, chủ đề trên cùng một địa bàn, với cùng một nhóm đối tượng.

4. Hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp

Lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá trong trường hợp thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành và tổ chức hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Các nội dung khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).

Điều 5. Cách thức thực hiện lồng ghép

1. Một nội dung, hoạt động, dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia có thể đầu tư bằng một hoặc nhiều nguồn vốn khác nhau để đạt được mục tiêu của các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Trên cùng một địa bàn đầu tư, lấy mục tiêu đạt các tiêu chí thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và mục tiêu thoát khỏi tình trạng xã, thôn đặc biệt khó khăn làm trọng tâm, thực hiện rà soát các tiêu chí chưa đạt, cần hỗ trợ đầu tư thuộc đối tượng đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia, tiến hành lồng ghép nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Trong cùng một nội dung, hoạt động, dự án đầu tư, phân định rõ tỷ lệ, cơ cấu theo hạng mục, khối lượng đối với từng nguồn vốn, tránh chồng chéo, trùng lặp. Cơ cấu các nguồn vốn lồng ghép phải thể hiện cụ thể trong hồ sơ dự án, làm cơ sở để tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án và bố trí vốn.

Điều 6. Thanh toán, quyết toán nguồn vốn lồng ghép

1. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, văn bản hướng dẫn của Trung ương về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư và các quy định hiện hành khác.

2. Đối với nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định của các tổ chức tín dụng; đối với nguồn ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách Xã hội thì thực hiện theo quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

3. Đối với nguồn vốn huy động hợp pháp khác phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích; được tính đầy đủ trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước. Việc thanh toán, quyết toán các nguồn vốn lồng ghép thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

Điều 7. Quản lý nguồn vốn lồng ghép

1. Các nội dung đầu tư sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Nguồn vốn tín dụng chính sách thực hiện theo quy định của các tổ chức tín dụng.

3. Các nội dung đầu tư sử dụng toàn bộ nguồn vốn của các nhà tài trợ, đóng góp thực hiện theo quy định của nhà tài trợ; trường hợp nhà tài trợ không có quy định, thì thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III

CƠ CHẾ HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC KHÁC

Điều 8. Nguồn vốn huy động

1. Nguồn vốn tín dụng;
2. Nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 9. Cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng

1. Cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Tập trung các nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn có tính chất từ thiện và các nguồn vốn hợp pháp khác vào Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí từ ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng theo quy định.

Điều 10. Cơ chế huy động nguồn vốn hợp pháp khác

1. Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trên tinh thần tự nguyện. Tùy vào tình hình thực tế của địa phương, nội dung đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư phải có văn bản hoặc biên bản thống nhất về nội dung đóng góp. Căn cứ khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước và khả năng huy động các nguồn lực phân định rõ tỷ lệ, cơ cấu đối với từng nguồn vốn cụ thể trong hồ sơ dự án.

2. Các cơ quan, tổ chức tiếp nhận vốn huy động từ nguồn hợp pháp khác của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (trừ nguồn đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP) phải thông qua tài khoản ngân hàng của cơ quan, tổ chức tiếp nhận; khuyến khích các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đề động viên, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện tham gia đóng góp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân khác trong và ngoài nước tham gia đóng góp thực hiện các dự án, công trình thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 11. Quản lý vốn huy động

Các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác, cụ thể:

1. Trường hợp đóng góp bằng tiền

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thu và nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước *(nếu đóng góp bằng ngoại tệ, thì ngoại tệ được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ do Ngân hàng nhà nước công bố)*.

2. Trường hợp đóng góp bằng hiện vật hoặc ngày công lao động

Căn cứ vào số lượng vật tư, công lao động do tổ chức, người dân đóng góp và đơn giá vật tư, ngày công lao động tại địa phương *(tại thời điểm đóng góp)*, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp xác định giá trị đóng góp *(bằng tiền Việt Nam)* giao cho Chủ đầu tư quản lý, theo dõi hạch toán vào giá trị công trình không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

Điều 12. Công khai nguồn tài chính huy động

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải có trách nhiệm công khai tài chính theo quy định hiện hành để người dân theo dõi, giám sát.

1. Nội dung công khai, gồm:

a) Công khai kết quả huy động vốn: Đối tượng, thời gian, hình thức, mức đóng góp của các đối tượng.

b) Công khai việc thu, chi, sử dụng nguồn vốn huy động để đầu tư xây dựng các công trình: Danh mục công trình được đầu tư, quyết định phê duyệt dự toán công trình, giá trị quyết toán công trình của cấp có thẩm quyền, thường xuyên cập nhật các thông tin theo tiến độ dự án để công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hóa thôn, buôn, trên phương tiện thông tin đại chúng,...

2. Hình thức công khai

Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà văn hóa thôn, buôn; thông báo qua các buổi họp trực tiếp với cộng đồng dân cư; thông báo trên loa, đài và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Thời điểm, thời hạn công khai

Kể từ khi bắt đầu triển khai thực hiện công trình cho đến sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán 30 ngày.

Điều 13. Tạm ứng, thanh toán khối lượng từ vốn huy động

1. Việc tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành vốn huy động được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Việc chi phần vốn đóng góp để đầu tư xây dựng công trình không được lớn hơn số vốn huy động được cho công trình đó.

2. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán vốn đầu tư xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan.

Điều 14. Chi phí Quản lý dự án có sử dụng phần vốn huy động

1. Định mức chi phí quản lý dự án

a) Đối với các dự án áp dụng theo cơ chế đầu tư đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng quy trình triển khai thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các quy định hiện hành có liên quan.

b) Đối với các dự án không áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng công trình.

2. Nội dung chi phí quản lý dự án; thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí quản lý dự án; thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 15. Thanh toán, quyết toán vốn huy động

1. Đối với vốn đóng góp để đầu tư xây dựng công trình

Khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan Tài chính – Kế hoạch cấp huyện hoặc bộ phận Tài chính - Kế toán cấp xã lập bảng quyết toán vốn huy động khác tùy theo hình thức đóng góp. Bảng quyết toán phần vốn huy động khác được tổng hợp vào báo cáo quyết toán công trình hoàn thành và gửi cho Cơ quan Tài chính – Kế hoạch cấp huyện hoặc bộ phận Tài chính - Kế toán cấp xã để theo dõi, tổng hợp, báo cáo.

2. Xử lý chênh lệch thu, chi

Sau khi thanh quyết toán công trình, nếu chênh lệch thu lớn hơn chi hoặc với các khoản đóng góp chưa được sử dụng hết, cộng đồng dân cư tổ chức họp bàn, đề quyết định sử dụng đầu tư xây dựng cho công trình mới thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia hoặc sử dụng đầu tư cho các công trình công ích cần thiết khác của cộng đồng.

3. Quyết toán dự án hoàn thành

Thực hiện theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2023/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức
luân chuyển thuộc tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Xét Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (gọi tắt là cán bộ) đang công tác trong các cơ quan, tổ

chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được cơ quan có thẩm quyền luân chuyển.

b) Ngoài chính sách quy định tại Nghị quyết này, cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển còn được hưởng các chế độ, chính sách khác theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ đang công tác trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được cấp có thẩm quyền luân chuyển theo quy định.

b) Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến việc luân chuyển cán bộ trên địa bàn tỉnh.

c) Cấp có thẩm quyền luân chuyển: Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

2. Chỉ thực hiện chi trả một lần chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này trong cả thời gian được cấp có thẩm quyền luân chuyển, các lần luân chuyển sau không được tiếp tục hưởng chính sách này.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chính sách hỗ trợ một lần

Cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển đến làm việc tại cơ quan, đơn vị khác có khoảng cách từ cơ quan có cán bộ luân chuyển đi và cơ quan có cán bộ luân chuyển đến từ 10km trở lên được hỗ trợ một lần là 9.000.000 đồng tại thời điểm luân chuyển.

2. Chính sách hỗ trợ đi lại, sinh hoạt phí

a) Cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển từ cơ quan cấp tỉnh đến cơ quan cấp huyện và ngược lại; từ cơ quan cấp huyện này đến cơ quan cấp huyện khác, có khoảng cách từ cơ quan có cán bộ luân chuyển đi và cơ quan có cán bộ luân chuyển đến từ 10km đến dưới 50km được hỗ trợ 1.800.000 đồng/tháng; từ 50km trở

lên được hỗ trợ 2.700.000 đồng/tháng, được chi trả vào tiền lương hàng tháng của cán bộ.

b) Cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển từ cơ quan cấp huyện đến đơn vị cấp xã và ngược lại; từ đơn vị cấp xã này đến đơn vị cấp xã khác, có khoảng cách từ cơ quan có cán bộ luân chuyển đi và cơ quan có cán bộ luân chuyển đến từ 10km trở lên được hỗ trợ 1.800.000 đồng/tháng, được chi trả vào tiền lương hàng tháng của cán bộ.

3. Chính sách bố trí nhà ở công vụ, hỗ trợ tiền thuê nhà ở

Cán bộ được cấp có thẩm quyền luân chuyển từ cơ quan cấp tỉnh đến cơ quan cấp huyện và ngược lại; từ cơ quan cấp huyện này đến cơ quan cấp huyện khác; từ cơ quan cấp huyện đến cấp xã và ngược lại; từ đơn vị cấp xã này đến đơn vị cấp xã khác, có khoảng cách từ nơi cán bộ thường trú đến cơ quan nơi cán bộ luân chuyển đến từ 20km trở lên được bố trí nhà ở công vụ theo quy định. Trường hợp cơ quan, đơn vị nơi cán bộ luân chuyển đến chưa bố trí được nhà ở công vụ và cán bộ luân chuyển đến phải thuê nhà để ở, thì được hỗ trợ 1.800.000 đồng/tháng để thuê nhà ở, được chi trả vào tiền lương hàng tháng của cán bộ.

Điều 4. Thời gian được hưởng chính sách hỗ trợ luân chuyển

Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ luân chuyển được tính từ thời điểm quyết định luân chuyển của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực thi hành cho đến khi hết thời gian luân chuyển theo quy định.

Điều 5. Nguồn kinh phí, trách nhiệm chi trả

1. Nguồn kinh phí chi trả cho chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Cơ quan, đơn vị có cán bộ luân chuyển đến có trách nhiệm chi trả chính sách theo quy định.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Cán bộ được cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và vẫn đang trong thời gian luân chuyển, nếu đủ các điều kiện theo quy định của Nghị quyết này thì được hưởng chính sách hỗ trợ đi lại, sinh hoạt phí, bố trí nhà ở công vụ (hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở) kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành cho đến hết thời gian luân chuyển.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh,
bổ sung chủ trương đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh
về việc Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung Quyết định chủ
trương đầu tư các Dự án trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 35/BC-HĐND ngày 19
tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư các dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm:

1. Quyết định chủ trương đầu tư 02 dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ đầu tư cho các hợp tác xã theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, gồm:

1.1 Dự án: Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc cánh đồng sản xuất của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và vận tải Đoàn Kết, xã Hoà Khánh,

thành phố Buôn Ma Thuột.

1.2. Dự án: Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc cánh đồng sản xuất của Hợp tác xã nông nghiệp Thống Nhất, phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, gồm:

2.1. Dự án: Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc Hợp tác xã nông nghiệp 714.

2.2. Dự án: Đầu tư dây chuyền chế biến gạo bóng cho hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình.

2.3. Dự án: Xây dựng trụ sở làm việc của Chi cục Thủy sản.

3. Dừng chủ trương đầu tư 01 dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ đầu tư cho các hợp tác xã theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025:

Dự án: Đầu tư mua sắm 04 máy gặt đập liên hợp thuộc HTX nông nghiệp 714

(Chi tiết dự án tại các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, kỳ họp Chuyên đề lần thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO NGHỊ QUYẾT 19/2021/NQ-HĐND NGÀY 21/12/2021 CỦA HĐND TỈNH VỀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TỈNH ĐẮK LẮK, GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 20/4/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Dự kiến tổng mức đầu tư				Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			
			NST	NS TP	Vốn đối ứng của HTX	
	TỔNG CỘNG	7.926	4.000	3.906	20,50	
1	Dự án: Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc cánh đồng sản xuất của Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp và Vận tải Đoàn Kết, xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột	3.426	2.000	1.426		Chi tiết tại Phụ lục I.1
2	Dự án: Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc cánh đồng sản xuất của Hợp tác xã Nông nghiệp Thống Nhất, phường Khánh Xuân	4.500	2.000	2.479,5	20,5	Chi tiết tại Phụ lục I.2

Phụ lục I.1

Dự án: Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc cánh đồng sản xuất của Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp và vận tải Đoàn Kết xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

Tạo điều kiện cho việc lưu thông hàng hóa của các thành viên hợp tác xã từ nơi thu hoạch đến nhà máy, sân phơi, bãi tập kết sản phẩm. Từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng hợp tác xã sớm phát triển thành hợp tác xã kiểu mẫu theo mô hình sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm cho nông dân, doanh nghiệp và hợp tác xã vùng sản xuất trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, sinh thái nông nghiệp chất lượng cao.

2. Nội dung và quy mô đầu tư

- Loại công trình: Công trình giao thông nông thôn, cấp B.

- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.

- Hạng mục đầu tư: Đầu tư xây dựng đường trục chính giao thông nội đồng tại cánh đồng thôn 12 xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột chiều dài tuyến khoảng: L=1.800m.

3. Nhóm dự án: Nhóm C

4. Tổng mức đầu tư dự án: 3.426.000.000 đồng (Bằng chữ: *Ba tỷ, bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng*)

5. Cơ cấu vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, ngân sách UBND thành phố Buôn Ma Thuột.

Cụ thể:

- Ngân sách tỉnh: 2.000.000.0000 đồng (chiếm 58%)

- Ngân sách UBND thành phố: 1.426.000.000 đồng (chiếm 42%)

6. Khả năng cân đối nguồn vốn: Không quá 03 (ba) năm

7. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Tại cánh đồng xã Hòa Khánh thuộc Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp và vận tải Đoàn Kết, xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột./.

Phụ lục I.2

Dự án: Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc cánh đồng sản xuất của Hợp tác xã Nông nghiệp Thống Nhất, phường Khánh Xuân

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư:

Tạo điều kiện cho việc lưu thông hàng hóa của các thành viên hợp tác xã từ nơi thu hoạch đến nhà máy, sân phơi, bãi tập kết sản phẩm. Từng bước nâng cấp cơ sở hạ tầng hợp tác xã sớm phát triển thành hợp tác xã kiểu mẫu theo mô hình sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm cho nông dân, doanh nghiệp và hợp tác xã vùng sản xuất trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, sinh thái nông nghiệp chất lượng cao.

2. Nội dung và quy mô đầu tư

- Loại công trình: Công trình giao thông nông thôn, cấp B.

- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.

- Hạng mục đầu tư: Đầu tư xây dựng đường trục chính giao thông nội đồng tại cánh đồng sản xuất của HTX nông nghiệp Thống Nhất, tổ dân phố 15, phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột với chiều dài tuyến khoảng: L=2.084m.

3. Nhóm dự án: Nhóm C

4. Tổng mức đầu tư dự án: 4.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng)

5. Cơ cấu vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, ngân sách UBND thành phố Buôn Ma Thuột và đối ứng Hợp tác xã

Cụ thể:

- Ngân sách tỉnh: 2.000.000.0000 đồng (chiếm 44,4%)
- Ngân sách UBND thành phố: 2.479.500.000 đồng (chiếm 55,1%)
- Vốn đóng góp HTX: 20.500.000 đồng (chiếm 0,5%)

6. Khả năng cân đối nguồn vốn: Không quá 03 (ba) năm

7. Thời gian thực hiện: Năm 2023 - 2025.

8. Địa điểm thực hiện dự án: Cánh đồng sản xuất của HTX nông nghiệp Thống Nhất, tổ dân phố 15, phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột./.

Phụ lục II
DANH MỤC DỰ ÁN HỢP TÁC XÃ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư				Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			
			NST	NS huyện	Vốn đối ứng HTX	
	TỔNG CỘNG	5.000	5.000	-	-	
1	Dự án: Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc Hợp tác xã nông nghiệp 714	5.000	5.000		-	Điều chỉnh mục 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh; Chi tiết tại Phụ lục II.1
2	Dự án: Đầu tư dây chuyền chế biến gạo bóng cho hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình	10.000	5.000		5.000	Điều chỉnh mục 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh; Chi tiết tại Phụ lục II.2

Phụ lục II.1

Dự án: Đường trục chính giao thông nội đồng thuộc HTX nông nghiệp 714
(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Sửa đổi nội dung tại Phụ lục II.1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của HĐND tỉnh

1. Sửa đổi nội dung tại mục 5 như sau:

“5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)

2. Sửa đổi nội dung tại mục 7 như sau:

“7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023 – 2025”

Phụ lục II.2

Dự án: Đầu tư dây chuyền chế biến gạo bóng cho hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh

Sửa đổi nội dung tại Phụ lục II.3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh, cụ thể:

1. Sửa đổi nội dung tại mục 4 như sau:

“4. Tổng mức đầu tư dự án: 10.000.000.000 đồng (10 tỷ đồng)

2. Sửa đổi nội dung tại mục 5 như sau:

“5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và vốn đối ứng Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 5.000.000.000 đồng

- Vốn Hợp tác xã dịch vụ tổng hợp nông nghiệp Thăng Bình: 5.000.000.000 đồng

3. Sửa đổi nội dung tại mục 7 như sau:

“7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025”

Phụ lục III

Dự án: Xây dựng trụ sở làm việc của Chi cục Thủy sản

(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Sửa đổi nội dung tại Mục 2, Phụ lục II.2.3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh như sau:

“2. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Xây dựng mới Trụ sở làm việc: Công trình cấp III, **2 tầng**.
- Cổng, hàng rào bảo vệ.
- Sân nền, đường nội bộ và cây xanh
- Hệ thống cấp thoát nước, PCCC, điện chiếu.
- Nhà để xe.
- Nhà bảo vệ: Nhà cấp IV, 01 tầng”.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc bố trí vốn ngân sách tỉnh tham gia Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (phần kinh phí giải phóng mặt bằng phát sinh)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về nguồn vốn ngân sách địa phương để tham gia thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bố trí kinh phí khoảng 332 tỷ đồng từ nguồn vốn dự kiến giảm một số dự án đầu tư nguồn vốn ngân sách tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột (phần kinh phí giải phóng mặt bằng phát sinh).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện tại Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ và giao bổ sung, điều chỉnh
kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm
(2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 2023 của Thủ tướng
Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
trung ương giai đoạn 2021- 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và
điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia
tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Thực hiện Công văn số 3948/BKHĐT-TCTT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Bộ
Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện một số quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-
CP;*

*Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà
nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây
dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

*Xét Tờ trình số 38/TTr-UBND, ngày 09 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ và giao bổ sung, điều chỉnh kế*

hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ và giao bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk:

1. Điều chỉnh 02 chỉ tiêu, nhiệm vụ Hội đồng nhân dân tỉnh đã giao tại khoản 1 và điểm b, khoản 2 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Điều chỉnh nội dung tại khoản 1: Có 04 đơn vị cấp huyện đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

- Điều chỉnh nội dung tại điểm b, khoản 2: Có 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nâng tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh lên 20%.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

2. Giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021- 2025, với số vốn 59.190 triệu đồng, như sau:

- Phân bổ cho huyện Krông Ana để thực hiện mô hình chỉ đạo điểm của Trung ương về Chương trình OCOP, với số vốn 10.000 triệu đồng.

- Phân bổ cho 13 huyện có xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025 theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 58/QĐ-UBND, nhưng đến hết năm 2022 chưa đạt chuẩn, theo nguyên tắc cứ mỗi xã đăng ký đạt chuẩn được tính 10 điểm, với tổng số vốn là 49.190 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

3. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021- 2025 giao tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm số vốn 17.655 triệu đồng kế hoạch 2021 -2025 đã giao tại Số thứ tự thứ 3, Mục I Phụ lục II.

- Điều chỉnh tăng số vốn 17.655 triệu đồng kế hoạch 2021-2025 giao cho huyện Buôn Đôn tại Số thứ tự 9, Mục III, Phụ lục II.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết

quả thực hiện tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục I**ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 -2025***(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025 đã giao tại Nghị quyết số 27/NQ- HDND	Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021 -2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Cấp huyện				
1	Số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Huyện	4	4	
2	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Huyện	1		Không giao mục tiêu
II	Cấp xã				
1	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	65,79	65,79	
2	Tỷ lệ xã đạt nông thôn mới nâng cao	%	30	20	Điều chỉnh giảm mục tiêu
3	Tỷ lệ xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu	%	5	5	
4	Số tiêu chí bình quân mỗi xã	tiêu chí/xã	17,1	17,1	

Phụ lục II

**GIAO BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 05 NĂM (2021 - 2025)
CHO CÁC HUYỆN CÓ XÃ ĐĂNG KÝ ĐẠT CHUẨN TRONG KẾ HOẠCH
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐƯỢC UBND
TỈNH PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 58/QĐ-UBND, NHƯNG ĐẾN
HẾT NĂM 2022 CHƯA ĐẠT CHUẨN**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Kế hoạch vốn ĐTPT giao bổ sung giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn NSTW)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
	TỔNG CỘNG	59.190	
I	Phân bổ để thực hiện mô hình Chương trình OCOP	10.000	
1	Huyện Krông Ana	10.000	
II	Phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố theo nguyên tắc, tiêu chí	49.190	
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	-	
2	Thị xã Buôn Hồ	-	
3	Huyện Cư M'gar	1.890	
4	Huyện M'Đrăk	1.890	
5	Huyện Ea Kar	7.580	
6	Huyện Ea H'leo	1.890	
7	Huyện Cư Kuin	5.680	
8	Huyện Krông Ana	3.780	
9	Huyện Buôn Đôn	3.780	
10	Huyện Krông Năng	5.680	

11	Huyện Krông Bông	1.890	
12	Huyện Krông Pắc	5.680	
13	Huyện Krông Búk	1.890	
14	Huyện Lắk	3.780	
15	Huyện Ea Súp	3.780	

Phụ lục III

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025 đã giao tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24/8/2022			Điều chỉnh		Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		Tăng	Giảm	Tổng cộng	Trong đó:		
			NSTW	NST				NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	TỔNG CỘNG	1.557.770	657.770	900.000	17.655	17.655	1.557.770	657.770	900.000	
I	Phân bổ cho các nội dung đã và đang triển khai thực hiện	914.813	423.874	490.939	-	17.655	897.158	423.874	473.284	
1	Phân bổ cho các dự án quyết toán, hoàn thành và chuyển tiếp	12.134	-	12.134	-	-	12.134	-	12.134	
2	Phân bổ cho các dự án khởi công mới đầu tư theo cơ chế thông thường năm 2021	700.000	244.850	455.150	-	-	700.000	244.850	455.150	

3	Phân bổ cho xã đăng ký đạt chuẩn năm 2022 và tiền đề	202.679	179.024	23.655	-	17.655	185.024	179.024	6.000	
a	Cơ chế đầu tư đặc thù	66.421	60.421	6.000	-	-	66.421	60.421	6.000	
b	Cơ chế đầu tư thông thường	136.258	118.603	17.655	-	17.655	118.603	118.603	-	
-	<i>Nhu cầu còn thiếu cần tiếp tục phân bổ</i>	136.258	118.603	17.655		17.655	118.603	118.603	-	Điều chỉnh giảm phần vốn ngân sách tỉnh
II	Phân bổ khen thưởng công trình phúc lợi	65.000	-	65.000	-	-	65.000	-	65.000	
III	Phần còn lại phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố theo nguyên tắc, tiêu chí	577.957	233.896	344.061	17.655	-	595.612	233.896	361.716	
1	Buôn Ma Thuột	44.500	18.000	26.500			44.500	18.000	26.500	
2	Buôn Hồ	38.500	15.500	23.000			38.500	15.500	23.000	
3	Cư M'Gar	48.500	19.500	29.000			48.500	19.500	29.000	
4	M'Đrăk	25.000	10.000	15.000			25.000	10.000	15.000	
5	Ea Kar	53.000	21.000	32.000			53.000	21.000	32.000	
6	Ea H'leo	30.000	12.000	18.000			30.000	12.000	18.000	
7	Cư Kuin	39.000	15.500	23.500			39.000	15.500	23.500	
8	Krông Ana	49.500	20.000	29.500			49.500	20.000	29.500	

9	Buôn Đôn	30.000	12.000	18.000	17.655		47.655	12.000	35.655	Phần vốn điều chỉnh tăng để tập trung hỗ trợ đầu tư hoàn thiện tiêu chí số 6 - CSVC văn hóa, tiêu chí số 2 - Giao thông, tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng, chống thiên tai cho 02 xã phần đầu đạt chuẩn 2021 - 2025
10	Krông Năng	42.000	17.000	25.000			42.000	17.000	25.000	
11	Krông Bông	27.000	11.000	16.000			27.000	11.000	16.000	
12	Krông Pắc	67.000	27.000	40.000			67.000	27.000	40.000	
13	Krông Búk	27.957	12.896	15.061			27.957	12.896	15.061	
14	Lắk	29.500	12.000	17.500			29.500	12.000	17.500	
15	Ea Súp	26.500	10.500	16.000			26.500	10.500	16.000	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:09/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 20 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Cho ý kiến về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2021;*

*Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư các dự án trên địa bàn
tỉnh;*

*Thực hiện Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của
Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021 - 2025;*

*Thực hiện Công văn số 2986/BKHĐT-KTĐPLT ngày 20 tháng 5 năm
2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định kế hoạch và phương án
phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn
2021 - 2025 tỉnh Đắk Lắk;*

*Thực hiện Công văn số 3997/BKHĐT-KTĐPLT ngày 24 tháng 6 năm
2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ý kiến về phương án phân bổ kế hoạch
đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh
Đắk Lắk (lần 2);*

Thực hiện Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Đắk Lắk (lần 2);

Xét Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị cho ý kiến về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 30/BC-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất cho ý kiến về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách trung ương để Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh thủ tục trình cấp có thẩm quyền chấp thuận, cụ thể như sau:

Giảm kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của dự án Hồ chứa nước Ea Khít, huyện Cư Kuin 96.000 triệu đồng để bố trí vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho Dự án Xây dựng hồ chứa nước Yên Ngựa 96.000 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh các thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định; báo cáo kết quả để Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng